|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

# **Ban hành Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh.*

**Điều 1. Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh**

1. Ban hành Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.

2. Ban hành Bảng định mức nhân lực tối đa trong thực hiện phẫu thuật, thủ thuật tại Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này.

3. Danh mục kỹ thuật chuyên môn quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này gồm 28 chuyên khoa cụ thể như sau:

a) Cột 1: Ghi số thứ tự của kỹ thuật chuyên môn;

b) Cột 2: Ghi mã kỹ thuật chuyên môn;

c) Cột 3: Ghi tên theo chuyên khoa;

d) Cột 4: Ghi tên kỹ thuật chuyên môn;

đ) Cột 5: Phân loại phẫu thuật, thủ thuật, ký hiệu cụ thể như sau:

- P0: Phẫu thuật không phân loại;

- P1: Phẫu thuật loại 1;

- P2: Phẫu thuật loại 2;

- P3: Phẫu thuật loại 3;

- PD: Phẫu thuật loại đặc biệt;

- T0: Thủ thuật chưa phân loại.

- T1: Thủ thuật loại 1;

- T2: Thủ thuật loại 2;

- T3: Thủ thuật loại 3;

- TD: Thủ thuật đặc biệt.

4. Việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này căn cứ vào một hoặc một số hoặc toàn bộ các tiêu chí sau đây:

a) Mức độ khó của phẫu thuật, thủ thuật;

b) Mức độ phức tạp của phẫu thuật, thủ thuật;

c) Mức độ nguy hiểm đối với tính mạng của người bệnh của phẫu thuật, thủ thuật;

d) Yêu cầu về thiết bị y tế sử dụng cho phẫu thuật, thủ thuật;

đ) Yêu cầu về số người tham gia phẫu thuật, thủ thuật;

e) Yêu cầu về thời gian thực hiện phẫu thuật, thủ thuật.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2021/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

3. Danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện.

4. Việc điều chỉnh danh mục kỹ thuật tính từ thời điểm hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo thủ tục điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và cấp có thẩm quyền phê duyệt lại toàn bộ danh mục của đơn vị theo danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo,  Cổng TTĐT Chính phủ);  - Ủy ban Xã hội của Quốc hội;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);  - Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);  - Các Thứ trưởng Bộ Y tế;  - BHXH Việt Nam;  - Sở Y tế, BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Các đơn vị trực thuộc BYT;  - Y tế các Bộ, ngành;  - Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ thuộc Bộ Y tế;  - Cổng TTĐT Bộ Y tế,  - Lưu: VT, PC, KCB. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Thuấn** |

**Phụ lục 01**

**Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BYT ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

File exel gửi kèm

**Ghi chú:**

**-** PTTT = Phẫu thuật, thủ thuật.

- Mã TT = mã kỹ thuật của Thông tư số 43, 21, 50; Thông tư giá

**Phụ lục 02**

**Bảng định mức nhân lực tối đa trong thực hiện phẫu thuật, thủ thuật**

*(Ban hành kèm Thông tư số TT-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Bảng định mức nhân lực tối đa trong thực hiện thủ thuật**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phẫu thuật**  **Chuyên khoa** | **Định mức nhân lực tối đa thực hiện 01 ca phẫu thuật** | | | |
| **Loại đặc biệt** | **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** |
|  | Hồi sức, cấp cứu và chống độc | 8 | 7 | 6 | 5 |
| 2 (PTV) chính  5 phụ  1 giúp việc | 2 (PTV) chính  4 phụ  1 giúp việc | 1 (PTV) chính  4 phụ  1 giúp việc | 1 (PTV) chính  3 phụ  1 giúp việc |
|  | Nội khoa | 8 | 7 | 6 | 5 |
| 2 (PTV) chính  5 phụ  1 giúp việc | 2 (PTV) chính  4 phụ  1 giúp việc | 1 (PTV) chính  4 phụ  1 giúp việc | 1(PTV) chính  3 Phụ  1 giúp việc |
|  | Nhi khoa | 8 | 6 | 6 | 6 |
| 1 PTV chính  4 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chinh  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chinh  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chinh  1 Giúp việc |
|  | Lao (ngoại lao) | 8 | 7 | 6 | 5 |
| 1 PTV chính  4 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Da liễu | 8 | 6 | 5 | 3 |
| 1 PTV chính  4 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính |
|  | Nội tiết | 7 | 6 | 6 | 6 |
| 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc |
|  | Ngoại khoa | 8 | 8 | 7 | 7 |
| 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc |
|  | Bỏng | 8 | 7 | 7 | 6 |
| 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc |
|  | Ung bướu | 7 | 7 | 5 | 5 |
| 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Phụ sản | 8 | 6 | 6 | 6 |
| 1 PTV chính  4 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Mắt | 6 | 6 | 5 | 5 |
| 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Tai Mũi Họng | 8 | 6 | 6 | 6 |
| 1 PTV chính  4 phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  2 phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc |
|  | Răng Hàm Mặt | 8 | 7 | 7 | 6 |
| 1 PTV chính  4 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Điện quang |  | 6 |  |  |
|  | 1 (PTV) Chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Vận hành máy |  |  |
|  | Nội soi, chẩn đoán can thiệp | 6 | 5 | 4 | 4 |
| 1 PTV Chính  3 phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV Chính  2 phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV Chính  1 phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV Chính  1 phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |
|  | Vi phẫu | 15 | 15 |  |  |
| (2 kíp):  2 PTV chính  8 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  2 Giúp việc | (2 kíp):  2 PTV chính  8 Phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  2 Giúp việc |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi | 9 | 9 | 8 | 8 |
| 1 PTV chính  4 phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  4 phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 phụ  1 Gây mê chính  2 Phụ gây mê  1 Giúp việc |
|  | Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ | 7 | 7 | 6 | 5 |
| 1 PTV chính  3 PTV phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 PTV phụ  1 Gây mê chính  1 Phụ gây mê  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 PTV phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 PTV chính  3 PTV phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |

**Bảng định mức nhân lực tối đa trong thực hiện thủ thuật**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại thủ thuật**  **Chuyên khoa** | **Định mức nhân lực tối đa thực hiện 01 ca thủ thuật** | | | |
| **Loại đặc biệt** | **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** |
|  | Hồi sức, cấp cứu và chống độc | 6 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 phụ  1 giúp việc | 1 TTV chính  1 phụ |
|  | Nội khoa | 6 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 phụ  1 giúp việc | 1 TTV chính  1 phụ |
|  | Nhi khoa | 4 | 3 | 3 | 3 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ |
|  | Lao (ngoại lao) |  | 4 |  |  |
|  | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính |  |  |
|  | Da liễu | 5 | 4 | 2 | 2 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 phụ | 1 TTV chính  1 phụ |
|  | Tâm thần |  | 3 | 2 | 1 |
|  | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính | 1 TTV chính  1 phụ | 1 TTV chính |
|  | Nội tiết | 4 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Y học cổ truyền |  | 3 | 3 | 2 |
|  | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Gây mê hồi sức | 4 | 4 | 2 | 2 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Ngoại khoa | 5 | 5 | 3 | 3 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính | 1 PTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính |
|  | Bỏng | 5 | 5 | 4 | 3 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính |
|  | Ung bướu | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính | 1 TTV chính  1 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Phụ sản | 4 | 3 | 3 | 3 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ |
|  | Mắt | 5 | 5 | 4 | 3 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Giúp việc |
|  | Tai Mũi Họng | 5 | 3 | 3 | 3 |
| 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  2 Phụ |
|  | Răng Hàm Mặt | 5 | 5 | 4 | 4 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc |
|  | Phục hồi chức năng | 3 | 3 | 2 | 1 |
| 1 TTV chính  1 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ | 1 TTV chính |
|  | Điện quang | 5 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Y Học hạt nhân | 5 | 4 | 3 |  |
| 2 TTV chính  3 Phụ | 2 TTV chính  2 Phụ | 2 TTV chính  2 Phụ |  |
|  | Nội soi, chẩn đoán can thiệp | 6 | 5 | 4 | 3 |
| 1 TTV chính  3 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính |
|  | Thăm dò chức năng | 4 | 3 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  1 phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 phụ | 1 TTV chính  2 phụ | 1 TTV chính  1 phụ |
|  | Huyết học - truyền máu | 4 | 4 | 3 | 2 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học |  | 3 | 2 | 2 |
|  | 1 TTV chính  2 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ | 1 TTV chính  1 Phụ |
|  | Tạo hình thẩm mỹ | 5 | 5 | 4 | 4 |
| 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  2 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc | 1 TTV chính  1 Phụ  1 Gây mê chính  1 Giúp việc |

**Ghi chú**:

1. PTV = Phẫu thuật viên = Người mổ;

2. TTV = Thủ thuật viên = Người làm thủ thuật,

3. Phụ phẫu thuật, Phụ thủ thuật (bao gồm người phụ, vận hành hệ thống máy liên quan đến phẫu thuật, thủ thuật).

4. Thực hiện thủ thuật của chuyên khoa Gây mê hồi sức: Nếu thực hiện thủ thuật độc lập thì tính định mức nhân lực theo bảng trên, nếu nằm trong quy trình của ca phẫu thuật, thủ thuật của chuyên khoa khác thì được tính trong định mức nhân lực của chuyên khoa khác.

5. Trường hợp thực hiện ca thủ thuật theo quy định có gây tê nhưng bác sĩ hoặc điều dưỡng, kỹ thuật viên tham gia làm thủ thuật thực hiện cả việc gây tê thì bồi dưỡng thủ thuật không tính tiền bồi dưỡng cho vị trí nhân lực gây tê.

6. Gây mê hồi sức gồm một hoặc nhiều các hoạt động sau đây: gây mê, gây tê, theo dõi, hồi sức, an thần và chống đau.

7. Các kỹ thuật hồi sức cấp cứu được sử dụng trong gây mê hồi sức áp dụng theo phân loại phẫu thuật, thủ thuật của chuyên ngành Hồi sức cấp cứu và chống độc.

8. Các kỹ thuật gây tê để chống đau, không liên quan đến phẫu thuật.

7. Ngoài các kỹ thuật giảm đau trên, khi áp dụng thêm các kỹ thuật giảm đau của chuyên khoa nào thì hưởng phụ cấp của kỹ thuật giảm đau theo chuyên khoa đó.